VUS Anh Văn Hội Việt Mỹ

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

500 CÂU BÀI TẬP THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN LỚP 6

Global Success - Từ cơ bản đến nâng cao - Có đáp án

Lưu ý về nguồn học liệu: Tài liệu do VUS tự biên soạn để bổ trợ chủ điểm Present Continuous trong Tiếng Anh 6 - Global Success, Unit 3: My Friends. Không sao chép nguyên văn bài tập hoặc đáp án từ SGK/SBT.

Cấu trúc bộ bài tập

Nhóm bài	Bài	Số câu	Trọng tâm
Trắc nghiệm cấu trúc	1-12	72	am/is/are, V-ing, khẳng định - phủ định - nghi vấn
Quy tắc V-ing	13-22	60	thêm -ing, bỏ -e, gấp đôi phụ âm, ie → y
Chia động từ	23-35	78	Present Continuous trong câu hoàn chỉnh
Biến đổi câu	36-51	96	phủ định, Yes/No questions
Wh-questions	52-58	42	What/Where/Who + am/is/are + S + V-ing
Sửa lỗi & sắp xếp câu	59-72	84	phát hiện lỗi cấu trúc, trật tự từ
Present Simple vs Continuous	73-79	42	thói quen và hành động đang diễn ra
Hội thoại & ngữ cảnh	80-83	26	vận dụng tổng hợp

Mục lục

500 CÂU BÀI TẬP THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN LỚP 6 1

MỨC ĐỘ: CƠ BẢN 2

MỨC ĐỘ: TRUNG BÌNH 17

MỨC ĐỘ: NÂNG CAO 27

ĐÁP ÁN 500 CÂU 38

Nguồn tham khảo định hướng 56

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

MỨC ĐỘ: CƠ BẢN

Bài 1: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

1. The boys _____ in the playground now.

A. are jumping

B. jumping

C. is jumping

D. are jump

2. Our English teacher _____ chess right now. (negative)

A. is not play

B. is not playing

C. not is playing

D. do not playing

3. Choose the correct question:

A. Is Quang walking in the park?

B. Do Quang walking in the park?

C. Is Quang walk in the park?

D. Does Quang walking in the park?

4. Nhi _____ the cat at present.

A. is feeding

B. feeding

C. are feeding

D. is feed

5. The twins _____ the window right now in the classroom. (negative)

A. are not open

B. are not opening

C. not are opening

D. do not opening

6. Choose the correct question:

A. Is Khanh visiting the school library?

B. Do Khanh visiting the school library?

C. Is Khanh visit the school library?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

D. Does Khanh visiting the school library?

Bài 2: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

7. Minh _____ the whiteboard right now. (negative)

A. is not clean

B. is not cleaning

C. not is cleaning

D. do not cleaning

8. Choose the correct question:

A. Are the volunteers standing near the board?

B. Do the volunteers standing near the board?

C. Are the volunteers stand near the board?

D. Does the volunteers standing near the board?

9. My sister _____ a diary entry at present.

A. is writing

B. writing

C. are writing

D. is write

10. The boy near the window _____ a photo to a friend right now in the classroom. (negative)

A. is not show

B. is not showing

C. not is showing

D. do not showing

11. Choose the correct question:

A. Are the girls carrying a school bag?

B. Do the girls carrying a school bag?

C. Are the girls carry a school bag?

D. Does the girls carrying a school bag?

12. Nam _____ a comic book now.

A. is reading

B. reading

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. are reading

D. is read

Bài 3: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

13. Choose the correct question:

A. Am I using a computer?

B. Do I using a computer?

C. Am I use a computer?

D. Does I using a computer?

14. Quang _____ the teacher at present.

A. is helping

B. helping

C. are helping

D. is help

15. Nhi _____ milk right now in the classroom. (negative)

A. is not drink

B. is not drinking

C. not is drinking

D. do not drinking

16. Choose the correct question:

A. Are the volunteers feeding the cat?

B. Do the volunteers feeding the cat?

C. Are the volunteers feed the cat?

D. Does the volunteers feeding the cat?

17. Our neighbours _____ the answers now.

A. are checking

B. checking

C. is checking

D. are check

18. Nhi _____ chess right now. (negative)

A. is not play

B. is not playing

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. not is playing

D. do not playing

Bài 4: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

19. She _____ the bedroom at present.

A. is tidying

B. tidying

C. are tidying

D. is tidy

20. The boy near the window _____ a football match right now in the classroom. (negative)

A. is not watch

B. is not watching

C. not is watching

D. do not watching

21. Choose the correct question:

A. Are the two students talking about the class project?

B. Do the two students talking about the class project?

C. Are the two students talk about the class project?

D. Does the two students talking about the class project?

22. Duc _____ a school bag now.

A. is packing

B. packing

C. are packing

D. is pack

23. Thao _____ the notice board right now. (negative)

A. is not look at

B. is not looking at

C. not is looking at

D. do not looking at

24. Choose the correct question:

A. Are the students in Class 6A smiling at the camera?

B. Do the students in Class 6A smiling at the camera?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. Are the students in Class 6A smile at the camera?

D. Does the students in Class 6A smiling at the camera?

Bài 5: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

25. Minh _____ music right now in the classroom. (negative)

A. is not listen to

B. is not listening to

C. not is listening to

D. do not listening to

26. Choose the correct question:

A. Are my friends learning a new song?

B. Do my friends learning a new song?

C. Are my friends learn a new song?

D. Does my friends learning a new song?

27. The girls _____ the whiteboard now.

A. are cleaning

B. cleaning

C. is cleaning

D. are clean

28. He _____ the car right now. (negative)

A. is not wash

B. is not washing

C. not is washing

D. do not washing

29. Choose the correct question:

A. Is Hoa showing a photo to a friend?

B. Do Hoa showing a photo to a friend?

C. Is Hoa show a photo to a friend?

D. Does Hoa showing a photo to a friend?

30. Our English teacher _____ the camera at present.

A. is smiling at

B. smiling at

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. are smiling at

D. is smile at

Bài 6: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

31. Choose the correct question:

A. Is Thao helping a classmate?

B. Do Thao helping a classmate?

C. Is Thao help a classmate?

D. Does Thao helping a classmate?

32. My _____ the dishes now.

A. is washing

B. washing

C. are washing

D. is wash

33. An _____ their hands right now. (negative)

A. is not clap

B. is not claping

C. not is claping

D. do not claping

34. Choose the correct question:

A. Are we practising a song?

B. Do we practising a song?

C. Are we practise a song?

D. Does we practising a song?

35. Nhi _____ the teacher at present.

A. is helping

B. helping

C. are helping

D. is help

36. Khoa _____ the classroom right now in the classroom. (negative)

A. is not clean

B. is not cleaning

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. not is cleaning

D. do not cleaning

Bài 7: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

37. Khoa _____ the bench now.

A. is sitting on

B. sitting on

C. are sitting on

D. is sit on

38. Phong _____ a diary entry right now. (negative)

A. is not write

B. is not writing

C. not is writing

D. do not writing

39. Choose the correct question:

A. Are the children watching a football match?

B. Do the children watching a football match?

C. Are the children watch a football match?

D. Does the children watching a football match?

40. Phong _____ a pencil at present.

A. is looking for

B. looking for

C. are looking for

D. is look for

41. You _____ a maths exercise right now in the classroom. (negative)

A. are not do

B. are not doing

C. not are doing

D. do not doing

42. Choose the correct question:

A. Is Phong making a sandwich?

B. Do Phong making a sandwich?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. Is Phong make a sandwich?

D. Does Phong making a sandwich?

Bài 8: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

43. My friends _____ the classroom right now. (negative)

A. are not decorate

B. are not decorating

C. not are decorating

D. do not decorating

44. Choose the correct question:

A. Is Trang asking a question?

B. Do Trang asking a question?

C. Is Trang ask a question?

D. Does Trang asking a question?

45. Linh _____ notes at present.

A. is taking

B. taking

C. are taking

D. is take

46. Khoa _____ the answers right now in the classroom. (negative)

A. is not check

B. is not checking

C. not is checking

D. do not checking

47. Choose the correct question:

A. Is the boy near the window making a sandwich?

B. Do the boy near the window making a sandwich?

C. Is the boy near the window make a sandwich?

D. Does the boy near the window making a sandwich?

48. Minh _____ a sandwich now.

A. is making

B. making

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. are making

D. is make

Bài 9: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

49. Choose the correct question:

A. Is Linh swimming in the pool?

B. Do Linh swimming in the pool?

C. Is Linh swim in the pool?

D. Does Linh swimming in the pool?

50. He _____ the playground at present.

A. is running around

B. running around

C. are running around

D. is run around

51. Huy _____ the school library right now in the classroom. (negative)

A. is not visit

B. is not visiting

C. not is visiting

D. do not visiting

52. Choose the correct question:

A. Are the students in Class 6A showing a photo to a friend?

B. Do the students in Class 6A showing a photo to a friend?

C. Are the students in Class 6A show a photo to a friend?

D. Does the students in Class 6A showing a photo to a friend?

53. Trang _____ lunch now.

A. is eating

B. eating

C. are eating

D. is eat

54. Quang _____ sports clothes right now. (negative)

A. is not wear

B. is not wearing

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. not is wearing

D. do not wearing

Bài 10: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

55. Yen _____ a comic book at present.

A. is reading

B. reading

C. are reading

D. is read

56. My parents _____ lunch right now in the classroom. (negative)

A. are not eat

B. are not eating

C. not are eating

D. do not eating

57. Choose the correct question:

A. Are the students in Class 6A cleaning the classroom?

B. Do the students in Class 6A cleaning the classroom?

C. Are the students in Class 6A clean the classroom?

D. Does the students in Class 6A cleaning the classroom?

58. You _____ a pencil now.

A. are looking for

B. looking for

C. is looking for

D. are look for

59. Mai _____ the bench right now. (negative)

A. is not sit on

B. is not sitting on

C. not is sitting on

D. do not sitting on

60. Choose the correct question:

A. Is An helping a classmate?

B. Do An helping a classmate?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. Is An help a classmate?

D. Does An helping a classmate?

Bài 11: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

61. My _____ notes right now in the classroom. (negative)

A. is not take

B. is not taking

C. not is taking

D. do not taking

62. Choose the correct question:

A. Is Bao cooking dinner?

B. Do Bao cooking dinner?

C. Is Bao cook dinner?

D. Does Bao cooking dinner?

63. The volunteers _____ a paper flower now.

A. are making

B. making

C. is making

D. are make

64. Huy _____ the pool right now. (negative)

A. is not swim in

B. is not swimming in

C. not is swimming in

D. do not swimming in

65. Choose the correct question:

A. Are the children decorating the classroom?

B. Do the children decorating the classroom?

C. Are the children decorate the classroom?

D. Does the children decorating the classroom?

66. Hoa _____ school things at present.

A. is shopping for

B. shopping for

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. are shopping for

D. is shop for

Bài 12: Chọn đáp án đúng để hoàn thành câu ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Chọn A, B, C hoặc D.

67. Choose the correct question:

A. Are your cousins writing an email?

B. Do your cousins writing an email?

C. Are your cousins write an email?

D. Does your cousins writing an email?

68. The students in Class 6A _____ a sandwich now.

A. are making

B. making

C. is making

D. are make

69. Our English teacher _____ the teacher right now. (negative)

A. is not listen to

B. is not listening to

C. not is listening to

D. do not listening to

70. Choose the correct question:

A. Is Duc drawing a picture?

B. Do Duc drawing a picture?

C. Is Duc draw a picture?

D. Does Duc drawing a picture?

71. We _____ a friend at present.

A. are waiting for

B. waiting for

C. is waiting for

D. are wait for

72. The twins _____ notes right now in the classroom. (negative)

A. are not take

B. are not taking

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. not are taking

D. do not taking

Bài 13: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

73. Write the -ing form of the verb read.

74. Write the -ing form of the verb play.

75. Write the -ing form of the verb talk.

76. Write the -ing form of the verb listen.

77. Write the -ing form of the verb clean.

78. Write the -ing form of the verb help.

Bài 14: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

79. Write the -ing form of the verb study.

80. Write the -ing form of the verb carry.

81. Write the -ing form of the verb enjoy.

82. Write the -ing form of the verb open.

83. Write the -ing form of the verb visit.

84. Write the -ing form of the verb answer.

Bài 15: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

85. Write the -ing form of the verb make.

86. Write the -ing form of the verb write.

87. Write the -ing form of the verb take.

88. Write the -ing form of the verb dance.

89. Write the -ing form of the verb come.

90. Write the -ing form of the verb ride.

Bài 16: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

91. Write the -ing form of the verb run.

92. Write the -ing form of the verb swim.

93. Write the -ing form of the verb sit.

94. Write the -ing form of the verb get.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

95. Write the -ing form of the verb stop.

96. Write the -ing form of the verb shop.

Bài 17: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

97. Write the -ing form of the verb put.

98. Write the -ing form of the verb cut.

99. Write the -ing form of the verb plan.

100. Write the -ing form of the verb begin.

101. Write the -ing form of the verb lie.

102. Write the -ing form of the verb tie.

Bài 18: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

103. Write the -ing form of the verb have.

104. Write the -ing form of the verb use.

105. Write the -ing form of the verb smile.

106. Write the -ing form of the verb drive.

107. Write the -ing form of the verb cycle.

108. Write the -ing form of the verb leave.

Bài 19: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

109. Write the -ing form of the verb draw.

110. Write the -ing form of the verb eat.

111. Write the -ing form of the verb drink.

112. Write the -ing form of the verb cook.

113. Write the -ing form of the verb wash.

114. Write the -ing form of the verb watch.

Bài 20: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

115. Write the -ing form of the verb do.

116. Write the -ing form of the verb go.

117. Write the -ing form of the verb wear.

118. Write the -ing form of the verb wait.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

119. Write the -ing form of the verb work.

120. Write the -ing form of the verb learn.

Bài 21: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

121. Complete the form: read → _____

122. Complete the form: play → _____

123. Complete the form: talk → _____

124. Complete the form: listen → _____

125. Complete the form: clean → _____

126. Complete the form: help → _____

Bài 22: Viết dạng V-ing đúng của động từ

Yêu cầu: Viết dạng V-ing chính xác của mỗi động từ.

127. Complete the form: study → _____

128. Complete the form: carry → _____

129. Complete the form: enjoy → _____

130. Complete the form: open → _____

131. Complete the form: visit → _____

132. Complete the form: answer → _____

Bài 23: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

133. The girls _____ (drink) water now.

134. The boy near the window _____ (practise) a song right now.

135. Trang _____ (take) photos at the moment.

136. We _____ (clean) the whiteboard at present.

137. An _____ (not / pack) a school bag right now in the classroom.

138. Khoa _____ (walk in) the park at this moment.

Bài 24: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

139. They _____ (draw) a map at the moment.

140. Mai _____ (clap) their hands at present.

141. Minh _____ (read) a comic book right now in the classroom.

142. Duc _____ (use) a computer at this moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

143. Bao _____ (read) a comic book now.

144. The boy near the window _____ (sing) a song right now.

Bài 25: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

145. Hoa _____ (listen to) the teacher right now in the classroom.

146. Linh _____ (listen to) the teacher at this moment.

147. Tuan _____ (open) the window now.

148. My cousin _____ (play) football right now.

149. An _____ (not / talk about) the class project at the moment.

150. Nam _____ (do) homework at present.

Bài 26: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

151. Hoa _____ (walk to) school now.

152. The new student _____ (feed) the cat right now.

153. Our neighbours _____ (make) a sandwich at the moment.

154. Yen _____ (learn) new words at present.

155. Tuan _____ (wear) a blue jacket right now in the classroom.

156. He _____ (swim in) the pool at this moment.

Bài 27: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

157. The students in Class 6A _____ (visit) the school library at the moment.

158. Bao _____ (close) the door at present.

159. Nam _____ (talk about) the class project right now in the classroom.

160. Phong _____ (cycle to) school at this moment.

161. Nhi _____ (not / draw) a picture now.

162. Our English teacher _____ (ask) a question right now.

MỨC ĐỘ: TRUNG BÌNH

Bài 28: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

163. The boys _____ (look for) a pencil right now in the classroom.

164. My _____ (make) a sandwich at this moment.

165. Yen _____ (watch) a cartoon now.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

166. The students in Class 6A _____ (wait for) the bus right now.

167. The boys _____ (swim in) the pool at the moment.

168. Yen _____ (decorate) the classroom at present.

Bài 29: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

169. An _____ (learn) new words now.

170. An _____ (decorate) the classroom right now.

171. Your cousins _____ (learn) a new song at the moment.

172. Phong _____ (water) the plants at present.

173. My sister _____ (not / shop for) school things right now in the classroom.

174. Phong _____ (sing) a song at this moment.

Bài 30: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

175. Mai _____ (carry) a school bag at the moment.

176. Vy _____ (show) a photo to a friend at present.

177. Duc _____ (do) a maths exercise right now in the classroom.

178. They _____ (do) homework at this moment.

179. We _____ (cook) noodles now.

180. I _____ (clean) the classroom right now.

Bài 31: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

181. My cousin _____ (cycle to) school right now in the classroom.

182. Duc _____ (help) the teacher at this moment.

183. The girls _____ (drink) milk now.

184. Our English teacher _____ (draw) a picture right now.

185. The members of the school band _____ (not / read) a comic book at the moment.

186. Nhi _____ (practise) English pronunciation at present.

Bài 32: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

187. My friends _____ (do) homework now.

188. Our English teacher _____ (drink) milk right now.

189. The girls _____ (wear) a blue jacket at the moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

190. The boys _____ (wash) the car at present.

191. Your cousins _____ (drink) water right now in the classroom.

192. The boys _____ (clean) the whiteboard at this moment.

Bài 33: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

193. An _____ (water) the plants at the moment.

194. My brother _____ (cycle to) school at present.

195. Our English teacher _____ (practise) English pronunciation right now in the classroom.

196. Minh _____ (look for) a pencil at this moment.

197. My sister _____ (not / eat) an apple now.

198. The boy near the window _____ (look at) the notice board right now.

Bài 34: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

199. My friends _____ (clean) the classroom right now in the classroom.

200. Son _____ (walk to) school at this moment.

201. The children _____ (swim in) the pool now.

202. They _____ (take) photos right now.

203. My friends _____ (wash) the dishes at the moment.

204. Your cousins _____ (open) the window at present.

Bài 35: Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Điền dạng đúng của động từ trong ngoặc.

205. My brother _____ (shop for) school things now.

206. The new student _____ (practise) English pronunciation right now.

207. The new student _____ (read) a comic book at the moment.

208. Quang _____ (make) a paper flower at present.

209. The students in Class 6A _____ (not / feed) the cat right now in the classroom.

210. Son _____ (play) chess at this moment.

Bài 36: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

211. Rewrite in the negative: Hoa is practising English pronunciation right now.

212. Rewrite in the negative: My friends are studying English at the moment.

213. Rewrite in the negative: He is reading a science magazine at present.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

214. Rewrite in the negative: My sister is playing chess right now in the classroom.

215. Rewrite in the negative: Khoa is dancing to the music at this moment.

216. Rewrite in the negative: Mai is washing the car now.

Bài 37: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

217. Rewrite in the negative: My friends are cleaning the whiteboard at the moment.

218. Rewrite in the negative: Trang is watching a cartoon at present.

219. Rewrite in the negative: Vy is packing a school bag right now in the classroom.

220. Rewrite in the negative: The children are talking to a new friend at this moment.

221. Rewrite in the negative: Khoa is smiling at the camera now.

222. Rewrite in the negative: The twins are asking a question right now.

Bài 38: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

223. Rewrite in the negative: She is decorating the classroom at present.

224. Rewrite in the negative: The girls are reading a comic book right now in the classroom.

225. Rewrite in the negative: Yen is drawing a map at this moment.

226. Rewrite in the negative: Mai is doing a maths exercise now.

227. Rewrite in the negative: Linh is talking about the class project right now.

228. Rewrite in the negative: My is practising English pronunciation at the moment.

Bài 39: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

229. Rewrite in the negative: You are cycling to school right now in the classroom.

230. Rewrite in the negative: Nhi is singing a song at this moment.

231. Rewrite in the negative: She is working on a group project now.

232. Rewrite in the negative: The members of the school band are closing the door right now.

233. Rewrite in the negative: Linh is waiting for a friend at the moment.

234. Rewrite in the negative: Yen is taking photos at present.

Bài 40: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

235. Rewrite in the negative: Thao is feeding the cat at this moment.

236. Rewrite in the negative: We are writing a diary entry now.

237. Rewrite in the negative: Trang is washing the car right now.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

238. Rewrite in the negative: Nam is dancing to the music at the moment.

239. Rewrite in the negative: Mai is taking photos at present.

240. Rewrite in the negative: Khoa is talking about the class project right now in the classroom.

Bài 41: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

241. Rewrite in the negative: Your cousins are drawing a map now.

242. Rewrite in the negative: The students in Class 6A are asking a question right now.

243. Rewrite in the negative: Huy is learning new words at the moment.

244. Rewrite in the negative: Duc is talking about the class project at present.

245. Rewrite in the negative: My sister is taking photos right now in the classroom.

246. Rewrite in the negative: He is sitting on the bench at this moment.

Bài 42: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

247. Rewrite in the negative: Thao is writing an email right now.

248. Rewrite in the negative: Phong is dancing to the music at the moment.

249. Rewrite in the negative: You are cooking noodles at present.

250. Rewrite in the negative: The boys are cleaning the classroom right now in the classroom.

251. Rewrite in the negative: The members of the school band are drinking water at this moment.

252. Rewrite in the negative: Bao is checking the answers now.

Bài 43: Chuyển câu khẳng định sang phủ định

Yêu cầu: Viết lại câu ở dạng phủ định, giữ nguyên nghĩa thời gian.

253. Rewrite in the negative: Vy is tidying the bedroom at the moment.

254. Rewrite in the negative: Our classmates are washing the car at present.

255. Rewrite in the negative: Our neighbours are reading a comic book right now in the classroom.

256. Rewrite in the negative: My brother is showing a photo to a friend at this moment.

257. Rewrite in the negative: The two students are reading a science magazine now.

258. Rewrite in the negative: My cousin is studying in the library right now.

Bài 44: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

259. Change into a Yes/No question: The members of the school band are standing near the board at the moment.

260. Change into a Yes/No question: Huy is closing the door at present.

261. Change into a Yes/No question: Minh is closing the door right now in the classroom.

262. Change into a Yes/No question: I am asking a question at this moment.

263. Change into a Yes/No question: The students in Class 6A are listening to the teacher now.

264. Change into a Yes/No question: He is making a sandwich right now.

Bài 45: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

265. Change into a Yes/No question: My cousin is using a computer at present.

266. Change into a Yes/No question: Nhi is showing a photo to a friend right now in the classroom.

267. Change into a Yes/No question: Trang is reading a science magazine at this moment.

268. Change into a Yes/No question: My friends are writing an email now.

269. Change into a Yes/No question: Bao is washing the dishes right now.

270. Change into a Yes/No question: Our neighbours are practising English pronunciation at the moment.

Bài 46: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

271. Change into a Yes/No question: The two students are wearing sports clothes right now in the classroom.

272. Change into a Yes/No question: Duc is practising English pronunciation at this moment.

273. Change into a Yes/No question: He is claping their hands now.

274. Change into a Yes/No question: Huy is reading a science magazine right now.

275. Change into a Yes/No question: An is drinking milk at the moment.

276. Change into a Yes/No question: My is jumping in the playground at present.

Bài 47: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

277. Change into a Yes/No question: Quang is making a sandwich at this moment.

278. Change into a Yes/No question: The two students are claping their hands now.

279. Change into a Yes/No question: She is checking the answers right now.

280. Change into a Yes/No question: Our classmates are playing chess at the moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

281. Change into a Yes/No question: Our classmates are running around the playground at present.

282. Change into a Yes/No question: Phong is preparing a presentation right now in the classroom.

Bài 48: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

283. Change into a Yes/No question: Yen is watching a football match now.

284. Change into a Yes/No question: Phong is waiting for a friend right now.

285. Change into a Yes/No question: Son is learning a new song at the moment.

286. Change into a Yes/No question: Bao is visiting the school library at present.

287. Change into a Yes/No question: My friends are packing a school bag right now in the classroom.

288. Change into a Yes/No question: The members of the school band are visiting the school library at this moment.

Bài 49: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

289. Change into a Yes/No question: Linh is walking to school right now.

290. Change into a Yes/No question: The new student is doing homework at the moment.

291. Change into a Yes/No question: Bao is helping the teacher at present.

292. Change into a Yes/No question: The boy near the window is playing the piano right now in the classroom.

293. Change into a Yes/No question: Our neighbours are shopping for school things at this moment.

294. Change into a Yes/No question: My parents are learning a new song now.

Bài 50: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

295. Change into a Yes/No question: The twins are decorating the classroom at the moment.

296. Change into a Yes/No question: Son is working on a group project at present.

297. Change into a Yes/No question: Vy is checking the answers right now in the classroom.

298. Change into a Yes/No question: The two students are wearing a blue jacket at this moment.

299. Change into a Yes/No question: The members of the school band are opening the window now.

300. Change into a Yes/No question: Quang is cooking dinner right now.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 51: Đổi câu sang câu hỏi Yes/No

Yêu cầu: Đưa am/is/are lên trước chủ ngữ để tạo câu hỏi.

301. Change into a Yes/No question: Linh is washing the car at present.

302. Change into a Yes/No question: The new student is studying in the library right now in the classroom.

303. Change into a Yes/No question: The two students are drawing a picture at this moment.

304. Change into a Yes/No question: An is working on a group project now.

305. Change into a Yes/No question: Phong is taking notes right now.

306. Change into a Yes/No question: The children are doing homework at the moment.

Bài 52: Đặt câu hỏi Wh- cho thông tin được đánh dấu

Yêu cầu: Dùng What/Where/Who và đúng trật tự của thì hiện tại tiếp diễn.

307. Make a What-question for the information in brackets: Minh is reading [a comic book] now.

308. Make a What-question for the information in brackets: Linh is writing [an email] at the moment.

309. Make a What-question for the information in brackets: Phong is making [a paper flower] right now.

310. Make a What-question for the information in brackets: Mai is drawing [a map] at present.

311. Make a What-question for the information in brackets: Khoa is doing [a maths exercise] now.

312. Make a What-question for the information in brackets: Nhi is taking [photos] at the moment.

Bài 53: Đặt câu hỏi Wh- cho thông tin được đánh dấu

Yêu cầu: Dùng What/Where/Who và đúng trật tự của thì hiện tại tiếp diễn.

313. Make a What-question for the information in brackets: Our English teacher is writing [new words] right now.

314. Make a What-question for the information in brackets: The new student is reading [a school notice] at present.

315. Make a What-question for the information in brackets: My brother is playing [chess] now.

316. Make a What-question for the information in brackets: My sister is cooking [noodles] at the moment.

317. Make a What-question for the information in brackets: The twins are decorating [the classroom] right now.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

318. Make a What-question for the information in brackets: Our classmates are preparing [a presentation] at present.

Bài 54: Đặt câu hỏi Wh- cho thông tin được đánh dấu

Yêu cầu: Dùng What/Where/Who và đúng trật tự của thì hiện tại tiếp diễn.

319. Make a What-question for the information in brackets: The boys are playing [badminton] now.

320. Make a What-question for the information in brackets: The girls are learning [a new song] at the moment.

321. Make a Where-question for the information in brackets: Trang is studying English [in the library] now.

322. Make a Where-question for the information in brackets: Quang is waiting for his friend [at the school gate] at the moment.

323. Make a Where-question for the information in brackets: The children are running around the playground [in the schoolyard] right now.

324. Make a Where-question for the information in brackets: My parents are walking together [in the park] at present.

Bài 55: Đặt câu hỏi Wh- cho thông tin được đánh dấu

Yêu cầu: Dùng What/Where/Who và đúng trật tự của thì hiện tại tiếp diễn.

325. Make a Where-question for the information in brackets: Huy is sitting quietly [near the window] now.

326. Make a Where-question for the information in brackets: The volunteers are working together [in the school garden] at the moment.

327. Make a Where-question for the information in brackets: Vy is practising the piano [in the music room] right now.

328. Make a Where-question for the information in brackets: The members of the school band are practising a song [in the hall] at present.

329. Make a Where-question for the information in brackets: Bao is eating lunch [in the canteen] now.

330. Make a Where-question for the information in brackets: Our neighbours are talking together [in front of their house] at the moment.

Bài 56: Đặt câu hỏi Wh- cho thông tin được đánh dấu

Yêu cầu: Dùng What/Where/Who và đúng trật tự của thì hiện tại tiếp diễn.

331. Make a Where-question for the information in brackets: The students in Class 6A are having a lesson [in Room 12] right now.

332. Make a Where-question for the information in brackets: My cousin is swimming with friends [in the pool] at present.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

333. Make a Where-question for the information in brackets: Duc is looking for a book [in the library] now.

334. Make a Where-question for the information in brackets: Yen is waiting for the bus [at the bus stop] at the moment.

335. Make a Who-question for the information in brackets: An is talking to [the new student] now.

336. Make a Who-question for the information in brackets: Hoa is helping [her classmate] at the moment.

Bài 57: Đặt câu hỏi Wh- cho thông tin được đánh dấu

Yêu cầu: Dùng What/Where/Who và đúng trật tự của thì hiện tại tiếp diễn.

337. Make a Who-question for the information in brackets: Tuan is waiting for [his cousin] right now.

338. Make a Who-question for the information in brackets: Thao is showing a photo to [her friend] at present.

339. Make a Who-question for the information in brackets: Son is asking [the teacher] now.

340. Make a Who-question for the information in brackets: Khanh is playing chess with [his brother] at the moment.

341. Make a Who-question for the information in brackets: My is walking with [her mother] right now.

342. Make a Who-question for the information in brackets: Nam is sitting next to [his best friend] at present.

Bài 58: Đặt câu hỏi Wh- cho thông tin được đánh dấu

Yêu cầu: Dùng What/Where/Who và đúng trật tự của thì hiện tại tiếp diễn.

343. Make a Who-question for the information in brackets: The boy near the window is talking to [our teacher] now.

344. Make a Who-question for the information in brackets: The two students are working with [their group leader] at the moment.

345. Make a Who-question for the information in brackets: My friends are waiting for [their English teacher] right now.

346. Make a Who-question for the information in brackets: Your cousins are playing badminton with [their neighbours] at present.

347. Make a Who-question for the information in brackets: The girls are taking photos with [the new student] now.

348. Make a Who-question for the information in brackets: The boys are sharing a book with [their classmate] at the moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

MỨC ĐỘ: NÂNG CAO

Bài 59: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

349. Find and correct the mistake: He do not opening the window at the moment.

350. Find and correct the mistake: Does the twins learning new words right now in the classroom?

351. Find and correct the mistake: Does we playing badminton at present?

352. Find and correct the mistake: Quang are playing badminton right now.

353. Find and correct the mistake: Nhi do not washing the car now.

354. Find and correct the mistake: Our neighbours do not cooking dinner now.

Bài 60: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

355. Find and correct the mistake: Does they feeding the cat at present?

356. Find and correct the mistake: I do not playing badminton right now in the classroom.

357. Find and correct the mistake: Mai do not cleaning the classroom at present.

358. Find and correct the mistake: The girls do not watching a cartoon at the moment.

359. Find and correct the mistake: Duc is play badminton right now in the classroom.

360. Find and correct the mistake: She are waiting for the bus at the moment.

Bài 61: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

361. Find and correct the mistake: Quang do not taking notes at the moment.

362. Find and correct the mistake: Does An wearing a blue jacket right now in the classroom?

363. Find and correct the mistake: I do not practising a song at this moment.

364. Find and correct the mistake: Nam are writing an email now.

365. Find and correct the mistake: Yen is work on a group project right now in the classroom.

366. Find and correct the mistake: Does Vy carrying a school bag at present?

Bài 62: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

367. Find and correct the mistake: The girls is watching a cartoon at the moment.

368. Find and correct the mistake: My parents do not sitting on the bench right now in the classroom.

369. Find and correct the mistake: Nam are helping the teacher at this moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

370. Find and correct the mistake: Our English teacher are claping their hands at the moment.

371. Find and correct the mistake: Does my sister playing football right now?

372. Find and correct the mistake: Huy are practising a song now.

Bài 63: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

373. Find and correct the mistake: My sister is play football right now.

374. Find and correct the mistake: My brother are opening the window at this moment.

375. Find and correct the mistake: Does they smiling at the camera right now?

376. Find and correct the mistake: The twins are check the answers at this moment.

377. Find and correct the mistake: Does our classmates checking the answers right now in the classroom?

378. Find and correct the mistake: He do not cooking dinner at the moment.

Bài 64: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

379. Find and correct the mistake: Does Trang claping their hands at present?

380. Find and correct the mistake: Linh do not visiting the school library at this moment.

381. Find and correct the mistake: Tuan do not writing a diary entry right now.

382. Find and correct the mistake: Does Yen walking to school at present?

383. Find and correct the mistake: Nhi is talk to a new friend at this moment.

384. Find and correct the mistake: The volunteers are drink water now.

Bài 65: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

385. Find and correct the mistake: Bao do not learning new words now.

386. Find and correct the mistake: Our English teacher is clap their hands at the moment.

387. Find and correct the mistake: The volunteers is washing the car at the moment.

388. Find and correct the mistake: My parents are do a maths exercise at the moment.

389. Find and correct the mistake: I is practising a song at this moment.

390. Find and correct the mistake: Our English teacher do not singing a song now.

Bài 66: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu có một lỗi liên quan đến am/is/are hoặc V-ing. Viết lại câu đúng.

391. Find and correct the mistake: Does our neighbours cooking dinner now?

392. Find and correct the mistake: Trang are showing a photo to a friend now.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

393. Find and correct the mistake: Your cousins is cooking noodles right now.

394. Find and correct the mistake: Does my brother opening the window at this moment?

395. Find and correct the mistake: Does Nam writing an email now?

396. Find and correct the mistake: The children do not listening to music at the moment.

Bài 67: Sắp xếp từ/cụm từ thành câu hoàn chỉnh

Yêu cầu: Sắp xếp để tạo câu đúng ở thì hiện tại tiếp diễn.

397. Put the words/phrases in the correct order: working on / the volunteers / now / are / a group project

398. Put the words/phrases in the correct order: at the moment / are / the two students / the music / dancing to

399. Put the words/phrases in the correct order: wearing / Khanh / right now / is / sports clothes

400. Put the words/phrases in the correct order: now / is / Nam / a paper flower / making

401. Put the words/phrases in the correct order: washing / Linh / at the moment / is / the dishes

402. Put the words/phrases in the correct order: right now / is / Duc / a sandwich / making

Bài 68: Sắp xếp từ/cụm từ thành câu hoàn chỉnh

Yêu cầu: Sắp xếp để tạo câu đúng ở thì hiện tại tiếp diễn.

403. Put the words/phrases in the correct order: watching / we / now / are / a cartoon

404. Put the words/phrases in the correct order: at the moment / is / My / the cat / feeding

405. Put the words/phrases in the correct order: playing / Tuan / right now / is / badminton

406. Put the words/phrases in the correct order: now / is / Khanh / a paper flower / making

407. Put the words/phrases in the correct order: writing / Quang / at the moment / is / a diary entry

408. Put the words/phrases in the correct order: right now / are / we / a maths exercise / doing

Bài 69: Sắp xếp từ/cụm từ thành câu hoàn chỉnh

Yêu cầu: Sắp xếp để tạo câu đúng ở thì hiện tại tiếp diễn.

409. Put the words/phrases in the correct order: wearing / my brother / now / is / sports clothes

410. Put the words/phrases in the correct order: at the moment / are / the boys / a new song / learning

411. Put the words/phrases in the correct order: making / Trang / right now / is / a sandwich

412. Put the words/phrases in the correct order: now / is / Huy / the playground / running around

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

413. Put the words/phrases in the correct order: playing / the children / at the moment / are / chess

414. Put the words/phrases in the correct order: right now / is / My / a photo to a friend / showing

Bài 70: Sắp xếp từ/cụm từ thành câu hoàn chỉnh

Yêu cầu: Sắp xếp để tạo câu đúng ở thì hiện tại tiếp diễn.

415. Put the words/phrases in the correct order: sitting on / the students in Class 6A / now / are / the bench

416. Put the words/phrases in the correct order: at the moment / is / he / the cat / feeding

417. Put the words/phrases in the correct order: making / you / right now / are / a paper flower

418. Put the words/phrases in the correct order: now / are / the students in Class 6A / the teacher's question / answering

419. Put the words/phrases in the correct order: playing / Nam / at the moment / is / football

420. Put the words/phrases in the correct order: right now / are / your cousins / in the playground / jumping

Bài 71: Sắp xếp từ/cụm từ thành câu hoàn chỉnh

Yêu cầu: Sắp xếp để tạo câu đúng ở thì hiện tại tiếp diễn.

421. Put the words/phrases in the correct order: learning / Quang / now / is / a new song

422. Put the words/phrases in the correct order: at the moment / is / Tuan / the music / dancing to

423. Put the words/phrases in the correct order: decorating / my cousin / right now / is / the classroom

424. Put the words/phrases in the correct order: now / are / our classmates / English / studying

425. Put the words/phrases in the correct order: cooking / Linh / at the moment / is / noodles

426. Put the words/phrases in the correct order: right now / is / Son / their hands / claping

Bài 72: Sắp xếp từ/cụm từ thành câu hoàn chỉnh

Yêu cầu: Sắp xếp để tạo câu đúng ở thì hiện tại tiếp diễn.

427. Put the words/phrases in the correct order: eating / I / now / am / lunch

428. Put the words/phrases in the correct order: at the moment / is / My / the board / standing near

429. Put the words/phrases in the correct order: learning / the new student / right now / is / a new song

430. Put the words/phrases in the correct order: now / is / Quang / the class project / talking about

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

431. Put the words/phrases in the correct order: cooking / Linh / at the moment / is / dinner

432. Put the words/phrases in the correct order: right now / is / Phong / the bus / waiting for

Bài 73: Phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh thói quen và hành động đang diễn ra để chọn thì đúng.

433. Complete with the Present Simple or Present Continuous: My brother usually _____ (play) football every day, but my brother _____ (play) badminton right now.

434. Choose the correct forms: Linh _____ books every day, but linh _____ a comic book at the moment.

A. reads / is reading

B. is reading / reads

C. read / read

D. reads / reads

435. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Our classmates usually _____ (study) English every day, but our classmates _____ (study) for a test now.

436. Choose the correct forms: Mai _____ school every day, but mai _____ the library right now.

A. walks to / is walking to

B. is walking to / walks to

C. walk to / walk to

D. walks to / walks to

437. Complete with the Present Simple or Present Continuous: The twins usually _____ (help) their mother every day, but the twins _____ (help) their father at the moment.

438. Choose the correct forms: Phong _____ music every day, but phong _____ the teacher now.

A. listens to / is listening to

B. is listening to / listens to

C. listen to / listen to

D. listens to / listens to

Bài 74: Phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh thói quen và hành động đang diễn ra để chọn thì đúng.

439. Complete with the Present Simple or Present Continuous: My parents usually _____ (cook) dinner every day, but my parents _____ (cook) lunch right now.

440. Choose the correct forms: The boys _____ chess every day, but the boys _____ badminton at the moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

A. play / are playing

B. are playing / play

C. play / play

D. play / play

441. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Hoa usually _____ (write) in her diary every day, but hoa _____ (write) an email now.

442. Choose the correct forms: Our teacher _____ homework every day, but our teacher _____ the attendance list right now.

A. checks / is checking

B. is checking / checks

C. check / check

D. checks / checks

443. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Khoa usually _____ (cycle to) school every day, but khoa _____ (cycle to) the sports centre at the moment.

444. Choose the correct forms: The students _____ the classroom every day, but the students _____ the windows now.

A. clean / are cleaning

B. are cleaning / clean

C. clean / clean

D. clean / clean

Bài 75: Phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh thói quen và hành động đang diễn ra để chọn thì đúng.

445. Complete with the Present Simple or Present Continuous: My cousin usually _____ (watch) cartoons every day, but my cousin _____ (watch) a science programme right now.

446. Choose the correct forms: Nhi _____ English every day, but nhi _____ a new song at the moment.

A. practises / is practising

B. is practising / practises

C. practise / practise

D. practises / practises

447. Choose the correct forms: My brother _____ football after school, but my brother _____ badminton at the moment.

A. plays / is playing

B. is playing / plays

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. play / play

D. plays / plays

448. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Linh usually _____ (read) books after school, but linh _____ (read) a comic book now.

449. Choose the correct forms: Our classmates _____ English after school, but our classmates _____ for a test right now.

A. study / are studying

B. are studying / study

C. study / study

D. study / study

450. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Mai usually _____ (walk to) school after school, but mai _____ (walk to) the library at the moment.

Bài 76: Phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh thói quen và hành động đang diễn ra để chọn thì đúng.

451. Choose the correct forms: The twins _____ their mother after school, but the twins _____ their father now.

A. help / are helping

B. are helping / help

C. help / help

D. help / help

452. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Phong usually _____ (listen to) music after school, but phong _____ (listen to) the teacher right now.

453. Choose the correct forms: My parents _____ dinner after school, but my parents _____ lunch at the moment.

A. cook / are cooking

B. are cooking / cook

C. cook / cook

D. cook / cook

454. Complete with the Present Simple or Present Continuous: The boys usually _____ (play) chess after school, but the boys _____ (play) badminton now.

455. Choose the correct forms: Hoa _____ in her diary after school, but hoa _____ an email right now.

A. writes / is writing

B. is writing / writes

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

C. write / write

D. writes / writes

456. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Our teacher usually _____ (check) homework after school, but our teacher _____ (check) the attendance list at the moment.

Bài 77: Phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh thói quen và hành động đang diễn ra để chọn thì đúng.

457. Choose the correct forms: Khoa _____ school after school, but khoa _____ the sports centre now.

A. cycles to / is cycling to

B. is cycling to / cycles to

C. cycle to / cycle to

D. cycles to / cycles to

458. Complete with the Present Simple or Present Continuous: The students usually _____ (clean) the classroom after school, but the students _____ (clean) the windows right now.

459. Choose the correct forms: My cousin _____ cartoons after school, but my cousin _____ a science programme at the moment.

A. watches / is watching

B. is watching / watches

C. watch / watch

D. watches / watches

460. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Nhi usually _____ (practise) English after school, but nhi _____ (practise) a new song now.

461. Complete with the Present Simple or Present Continuous: My brother usually _____ (play) football on weekdays, but my brother _____ (play) badminton now.

462. Choose the correct forms: Linh _____ books on weekdays, but linh _____ a comic book right now.

A. reads / is reading

B. is reading / reads

C. read / read

D. reads / reads

Bài 78: Phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh thói quen và hành động đang diễn ra để chọn thì đúng.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

463. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Our classmates usually _____ (study) English on weekdays, but our classmates _____ (study) for a test at the moment.

464. Choose the correct forms: Mai _____ school on weekdays, but mai _____ the library now.

A. walks to / is walking to

B. is walking to / walks to

C. walk to / walk to

D. walks to / walks to

465. Complete with the Present Simple or Present Continuous: The twins usually _____ (help) their mother on weekdays, but the twins _____ (help) their father right now.

466. Choose the correct forms: Phong _____ music on weekdays, but phong _____ the teacher at the moment.

A. listens to / is listening to

B. is listening to / listens to

C. listen to / listen to

D. listens to / listens to

467. Complete with the Present Simple or Present Continuous: My parents usually _____ (cook) dinner on weekdays, but my parents _____ (cook) lunch now.

468. Choose the correct forms: The boys _____ chess on weekdays, but the boys _____ badminton right now.

A. play / are playing

B. are playing / play

C. play / play

D. play / play

Bài 79: Phân biệt hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn

Yêu cầu: Dựa vào ngữ cảnh thói quen và hành động đang diễn ra để chọn thì đúng.

469. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Hoa usually _____ (write) in her diary on weekdays, but hoa _____ (write) an email at the moment.

470. Choose the correct forms: Our teacher _____ homework on weekdays, but our teacher _____ the attendance list now.

A. checks / is checking

B. is checking / checks

C. check / check

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

D. checks / checks

471. Complete with the Present Simple or Present Continuous: Khoa usually _____ (cycle to) school on weekdays, but khoa _____ (cycle to) the sports centre right now.

472. Choose the correct forms: The students _____ the classroom on weekdays, but the students _____ the windows at the moment.

A. clean / are cleaning

B. are cleaning / clean

C. clean / clean

D. clean / clean

473. Complete with the Present Simple or Present Continuous: My cousin usually _____ (watch) cartoons on weekdays, but my cousin _____ (watch) a science programme now.

474. Choose the correct forms: Nhi _____ English on weekdays, but nhi _____ a new song right now.

A. practises / is practising

B. is practising / practises

C. practise / practise

D. practises / practises

Bài 80: Hoàn thành hội thoại và tình huống

Yêu cầu: Điền dạng đúng dựa vào ngữ cảnh. Chú ý dấu hiệu hiện tại tiếp diễn và sự đối lập với thói quen.

475. A: Where is Minh? B: He _____ (read) in the library now.

476. A: _____ your friends _____ (play) basketball now? B: No, they aren't.

477. A: What _____ you _____ (do) at the moment? B: I am drawing a picture.

478. A: Is Mai writing an email? B: No, she _____. She _____ (do) her homework.

479. Look! The school band _____ (practise) in the music room.

480. Listen! Someone _____ (sing) in the next classroom.

Bài 81: Hoàn thành hội thoại và tình huống

Yêu cầu: Điền dạng đúng dựa vào ngữ cảnh. Chú ý dấu hiệu hiện tại tiếp diễn và sự đối lập với thói quen.

481. Our teacher usually stands near the board, but now she _____ (sit) at her desk.

482. The students _____ (not talk) now because they are taking a short test.

483. A: Are the twins cycling to school? B: Yes, they _____.

484. A: Is your brother sleeping? B: No, he _____. He _____ (watch) a cartoon.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

485. At the moment, I _____ (wait) for the bus with two classmates.

486. Why _____ the children _____ (run) in the corridor?

Bài 82: Hoàn thành hội thoại và tình huống

Yêu cầu: Điền dạng đúng dựa vào ngữ cảnh. Chú ý dấu hiệu hiện tại tiếp diễn và sự đối lập với thói quen.

487. My parents _____ (cook) in the kitchen right now.

488. What _____ your English teacher _____ (write) on the board?

489. The new student _____ (not wear) a school jacket today.

490. A: Who are you talking to? B: I _____ (talk) to my cousin.

491. The boys usually play football after school. Today they _____ (play) chess instead.

492. Nhi often reads at break time, but now she _____ (take) photos with her friends.

Bài 83: Hoàn thành hội thoại và tình huống

Yêu cầu: Điền dạng đúng dựa vào ngữ cảnh. Chú ý dấu hiệu hiện tại tiếp diễn và sự đối lập với thói quen.

493. A: What are the girls doing? B: They _____ (decorate) the classroom.

494. Please be quiet. Our classmates _____ (listen) to an audio recording.

495. The cat _____ (sleep) under the chair at the moment.

496. A: _____ Khoa _____ (use) the computer now? B: Yes, he is.

497. The two students _____ (not wait) outside. They are in the classroom.

498. Right now, my sister _____ (make) a paper flower for her project.

499. Look at Quang! He _____ (carry) three boxes.

500. A: Where are your cousins? B: They _____ (swim) in the pool.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

ĐÁP ÁN 500 CÂU

Bài 1

1. A

2. B

3. A

4. A

5. B

6. A

Bài 2

7. B

8. A

9. A

10. B

11. A

12. A

Bài 3

13. A

14. A

15. B

16. A

17. A

18. B

Bài 4

19. A

20. B

21. A

22. A

23. B

24. A

Bài 5

25. B

26. A

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

27. A

28. B

29. A

30. A

Bài 6

31. A

32. A

33. B

34. A

35. A

36. B

Bài 7

37. A

38. B

39. A

40. A

41. B

42. A

Bài 8

43. B

44. A

45. A

46. B

47. A

48. A

Bài 9

49. A

50. A

51. B

52. A

53. A

54. B

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 10

55. A

56. B

57. A

58. A

59. B

60. A

Bài 11

61. B

62. A

63. A

64. B

65. A

66. A

Bài 12

67. A

68. A

69. B

70. A

71. A

72. B

Bài 13

73. reading

74. playing

75. talking

76. listening

77. cleaning

78. helping

Bài 14

79. studying

80. carrying

81. enjoying

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

82. opening

83. visiting

84. answering

Bài 15

85. making

86. writing

87. taking

88. dancing

89. coming

90. riding

Bài 16

91. running

92. swimming

93. sitting

94. getting

95. stopping

96. shopping

Bài 17

97. putting

98. cutting

99. planning

100. beginning

101. lying

102. tying

Bài 18

103. having

104. using

105. smiling

106. driving

107. cycling

108. leaving

Bài 19

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

109. drawing

110. eating

111. drinking

112. cooking

113. washing

114. watching

Bài 20

115. doing

116. going

117. wearing

118. waiting

119. working

120. learning

Bài 21

121. reading

122. playing

123. talking

124. listening

125. cleaning

126. helping

Bài 22

127. studying

128. carrying

129. enjoying

130. opening

131. visiting

132. answering

Bài 23

133. are drinking

134. is practising

135. is taking

136. are cleaning

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

137. is not packing

138. is walking in

Bài 24

139. are drawing

140. is claping

141. is reading

142. is using

143. is reading

144. is singing

Bài 25

145. is listening to

146. is listening to

147. is opening

148. is playing

149. is not talking about

150. is doing

Bài 26

151. is walking to

152. is feeding

153. are making

154. is learning

155. is wearing

156. is swimming in

Bài 27

157. are visiting

158. is closing

159. is talking about

160. is cycling to

161. is not drawing

162. is asking

Bài 28

163. are looking for

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

164. is making

165. is watching

166. are waiting for

167. are swimming in

168. is decorating

Bài 29

169. is learning

170. is decorating

171. are learning

172. is watering

173. is not shopping for

174. is singing

Bài 30

175. is carrying

176. is showing

177. is doing

178. are doing

179. are cooking

180. am cleaning

Bài 31

181. is cycling to

182. is helping

183. are drinking

184. is drawing

185. are not reading

186. is practising

Bài 32

187. are doing

188. is drinking

189. are wearing

190. are washing

191. are drinking

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

192. are cleaning

Bài 33

193. is watering

194. is cycling to

195. is practising

196. is looking for

197. is not eating

198. is looking at

Bài 34

199. are cleaning

200. is walking to

201. are swimming in

202. are taking

203. are washing

204. are opening

Bài 35

205. is shopping for

206. is practising

207. is reading

208. is making

209. are not feeding

210. is playing

Bài 36

211. Hoa is not practising English pronunciation right now.

212. My friends are not studying English at the moment.

213. He is not reading a science magazine at present.

214. My sister is not playing chess right now in the classroom.

215. Khoa is not dancing to the music at this moment.

216. Mai is not washing the car now.

Bài 37

217. My friends are not cleaning the whiteboard at the moment.

218. Trang is not watching a cartoon at present.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

219. Vy is not packing a school bag right now in the classroom.

220. The children are not talking to a new friend at this moment.

221. Khoa is not smiling at the camera now.

222. The twins are not asking a question right now.

Bài 38

223. She is not decorating the classroom at present.

224. The girls are not reading a comic book right now in the classroom.

225. Yen is not drawing a map at this moment.

226. Mai is not doing a maths exercise now.

227. Linh is not talking about the class project right now.

228. My is not practising English pronunciation at the moment.

Bài 39

229. You are not cycling to school right now in the classroom.

230. Nhi is not singing a song at this moment.

231. She is not working on a group project now.

232. The members of the school band are not closing the door right now.

233. Linh is not waiting for a friend at the moment.

234. Yen is not taking photos at present.

Bài 40

235. Thao is not feeding the cat at this moment.

236. We are not writing a diary entry now.

237. Trang is not washing the car right now.

238. Nam is not dancing to the music at the moment.

239. Mai is not taking photos at present.

240. Khoa is not talking about the class project right now in the classroom.

Bài 41

241. Your cousins are not drawing a map now.

242. The students in Class 6A are not asking a question right now.

243. Huy is not learning new words at the moment.

244. Duc is not talking about the class project at present.

245. My sister is not taking photos right now in the classroom.

246. He is not sitting on the bench at this moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 42

247. Thao is not writing an email right now.

248. Phong is not dancing to the music at the moment.

249. You are not cooking noodles at present.

250. The boys are not cleaning the classroom right now in the classroom.

251. The members of the school band are not drinking water at this moment.

252. Bao is not checking the answers now.

Bài 43

253. Vy is not tidying the bedroom at the moment.

254. Our classmates are not washing the car at present.

255. Our neighbours are not reading a comic book right now in the classroom.

256. My brother is not showing a photo to a friend at this moment.

257. The two students are not reading a science magazine now.

258. My cousin is not studying in the library right now.

Bài 44

259. Are the members of the school band standing near the board at the moment?

260. Is Huy closing the door at present?

261. Is Minh closing the door right now in the classroom?

262. Am I asking a question at this moment?

263. Are the students in Class 6A listening to the teacher now?

264. Is he making a sandwich right now?

Bài 45

265. Is my cousin using a computer at present?

266. Is Nhi showing a photo to a friend right now in the classroom?

267. Is Trang reading a science magazine at this moment?

268. Are my friends writing an email now?

269. Is Bao washing the dishes right now?

270. Are our neighbours practising English pronunciation at the moment?

Bài 46

271. Are the two students wearing sports clothes right now in the classroom?

272. Is Duc practising English pronunciation at this moment?

273. Is he claping their hands now?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

274. Is Huy reading a science magazine right now?

275. Is An drinking milk at the moment?

276. Is My jumping in the playground at present?

Bài 47

277. Is Quang making a sandwich at this moment?

278. Are the two students claping their hands now?

279. Is she checking the answers right now?

280. Are our classmates playing chess at the moment?

281. Are our classmates running around the playground at present?

282. Is Phong preparing a presentation right now in the classroom?

Bài 48

283. Is Yen watching a football match now?

284. Is Phong waiting for a friend right now?

285. Is Son learning a new song at the moment?

286. Is Bao visiting the school library at present?

287. Are my friends packing a school bag right now in the classroom?

288. Are the members of the school band visiting the school library at this moment?

Bài 49

289. Is Linh walking to school right now?

290. Is the new student doing homework at the moment?

291. Is Bao helping the teacher at present?

292. Is the boy near the window playing the piano right now in the classroom?

293. Are our neighbours shopping for school things at this moment?

294. Are my parents learning a new song now?

Bài 50

295. Are the twins decorating the classroom at the moment?

296. Is Son working on a group project at present?

297. Is Vy checking the answers right now in the classroom?

298. Are the two students wearing a blue jacket at this moment?

299. Are the members of the school band opening the window now?

300. Is Quang cooking dinner right now?

Bài 51

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

301. Is Linh washing the car at present?

302. Is the new student studying in the library right now in the classroom?

303. Are the two students drawing a picture at this moment?

304. Is An working on a group project now?

305. Is Phong taking notes right now?

306. Are the children doing homework at the moment?

Bài 52

307. What is Minh reading now?

308. What is Linh writing at the moment?

309. What is Phong making right now?

310. What is Mai drawing at present?

311. What is Khoa doing now?

312. What is Nhi taking at the moment?

Bài 53

313. What is our English teacher writing right now?

314. What is the new student reading at present?

315. What is my brother playing now?

316. What is my sister cooking at the moment?

317. What are the twins decorating right now?

318. What are our classmates preparing at present?

Bài 54

319. What are the boys playing now?

320. What are the girls learning at the moment?

321. Where is Trang studying English now?

322. Where is Quang waiting for his friend at the moment?

323. Where are the children running around the playground right now?

324. Where are my parents walking together at present?

Bài 55

325. Where is Huy sitting quietly now?

326. Where are the volunteers working together at the moment?

327. Where is Vy practising the piano right now?

328. Where are the members of the school band practising a song at present?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

329. Where is Bao eating lunch now?

330. Where are our neighbours talking together at the moment?

Bài 56

331. Where are the students in Class 6A having a lesson right now?

332. Where is my cousin swimming with friends at present?

333. Where is Duc looking for a book now?

334. Where is Yen waiting for the bus at the moment?

335. Who is An talking to now?

336. Who is Hoa helping at the moment?

Bài 57

337. Who is Tuan waiting for right now?

338. Who is Thao showing a photo to at present?

339. Who is Son asking now?

340. Who is Khanh playing chess with at the moment?

341. Who is My walking with right now?

342. Who is Nam sitting next to at present?

Bài 58

343. Who is the boy near the window talking to now?

344. Who are the two students working with at the moment?

345. Who are my friends waiting for right now?

346. Who are your cousins playing badminton with at present?

347. Who are the girls taking photos with now?

348. Who are the boys sharing a book with at the moment?

Bài 59

349. He is not opening the window at the moment.

350. Are the twins learning new words right now in the classroom?

351. Are we playing badminton at present?

352. Quang is playing badminton right now.

353. Nhi is not washing the car now.

354. Our neighbours are not cooking dinner now.

Bài 60

355. Are they feeding the cat at present?

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

356. I am not playing badminton right now in the classroom.

357. Mai is not cleaning the classroom at present.

358. The girls are not watching a cartoon at the moment.

359. Duc is playing badminton right now in the classroom.

360. She is waiting for the bus at the moment.

Bài 61

361. Quang is not taking notes at the moment.

362. Is An wearing a blue jacket right now in the classroom?

363. I am not practising a song at this moment.

364. Nam is writing an email now.

365. Yen is working on a group project right now in the classroom.

366. Is Vy carrying a school bag at present?

Bài 62

367. The girls are watching a cartoon at the moment.

368. My parents are not sitting on the bench right now in the classroom.

369. Nam is helping the teacher at this moment.

370. Our English teacher is claping their hands at the moment.

371. Is my sister playing football right now?

372. Huy is practising a song now.

Bài 63

373. My sister is playing football right now.

374. My brother is opening the window at this moment.

375. Are they smiling at the camera right now?

376. The twins are checking the answers at this moment.

377. Are our classmates checking the answers right now in the classroom?

378. He is not cooking dinner at the moment.

Bài 64

379. Is Trang claping their hands at present?

380. Linh is not visiting the school library at this moment.

381. Tuan is not writing a diary entry right now.

382. Is Yen walking to school at present?

383. Nhi is talking to a new friend at this moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

384. The volunteers are drinking water now.

Bài 65

385. Bao is not learning new words now.

386. Our English teacher is claping their hands at the moment.

387. The volunteers are washing the car at the moment.

388. My parents are doing a maths exercise at the moment.

389. I am practising a song at this moment.

390. Our English teacher is not singing a song now.

Bài 66

391. Are our neighbours cooking dinner now?

392. Trang is showing a photo to a friend now.

393. Your cousins are cooking noodles right now.

394. Is my brother opening the window at this moment?

395. Is Nam writing an email now?

396. The children are not listening to music at the moment.

Bài 67

397. The volunteers are working on a group project now.

398. The two students are dancing to the music at the moment.

399. Khanh is wearing sports clothes right now.

400. Nam is making a paper flower now.

401. Linh is washing the dishes at the moment.

402. Duc is making a sandwich right now.

Bài 68

403. We are watching a cartoon now.

404. My is feeding the cat at the moment.

405. Tuan is playing badminton right now.

406. Khanh is making a paper flower now.

407. Quang is writing a diary entry at the moment.

408. We are doing a maths exercise right now.

Bài 69

409. My brother is wearing sports clothes now.

410. The boys are learning a new song at the moment.

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

411. Trang is making a sandwich right now.

412. Huy is running around the playground now.

413. The children are playing chess at the moment.

414. My is showing a photo to a friend right now.

Bài 70

415. The students in Class 6A are sitting on the bench now.

416. He is feeding the cat at the moment.

417. You are making a paper flower right now.

418. The students in Class 6A are answering the teacher's question now.

419. Nam is playing football at the moment.

420. Your cousins are jumping in the playground right now.

Bài 71

421. Quang is learning a new song now.

422. Tuan is dancing to the music at the moment.

423. My cousin is decorating the classroom right now.

424. Our classmates are studying English now.

425. Linh is cooking noodles at the moment.

426. Son is claping their hands right now.

Bài 72

427. I am eating lunch now.

428. My is standing near the board at the moment.

429. The new student is learning a new song right now.

430. Quang is talking about the class project now.

431. Linh is cooking dinner at the moment.

432. Phong is waiting for the bus right now.

Bài 73

433. plays; is playing

434. A

435. study; are studying

436. A

437. help; are helping

438. A

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

Bài 74

439. cook; are cooking

440. A

441. writes; is writing

442. A

443. cycles to; is cycling to

444. A

Bài 75

445. watches; is watching

446. A

447. A

448. reads; is reading

449. A

450. walks to; is walking to

Bài 76

451. A

452. listens to; is listening to

453. A

454. play; are playing

455. A

456. checks; is checking

Bài 77

457. A

458. clean; are cleaning

459. A

460. practises; is practising

461. plays; is playing

462. A

Bài 78

463. study; are studying

464. A

465. help; are helping

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

466. A

467. cook; are cooking

468. A

Bài 79

469. writes; is writing

470. A

471. cycles to; is cycling to

472. A

473. watches; is watching

474. A

Bài 80

475. is reading

476. Are; playing

477. are; doing

478. isn't; is doing

479. is practising

480. is singing

Bài 81

481. is sitting

482. aren't talking

483. are

484. isn't; is watching

485. am waiting

486. are; running

Bài 82

487. are cooking

488. is; writing

489. isn't wearing

490. am talking

491. are playing

492. is taking

Bài 83

VĂN PHÒNG TRUNG TÂM
189 Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84.28) 3925 9899
Fax: (84.28) 3925 9698
www.vus.edu.vn

493. are decorating

494. are listening

495. is sleeping

496. Is; using

497. aren't waiting

498. is making

499. is carrying

500. are swimming

Nguồn tham khảo định hướng

Tiếng Anh 6 - Global Success, Tập 1, Unit 3: My Friends. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tài liệu này chỉ tham chiếu phạm vi kiến thức; toàn bộ câu hỏi trong file là nội dung biên soạn mới.